**Phân tích bài thơ Vội Vàng - Mẫu 1**

Nhà thơ Thế Lữ, trong lời Tựa cho tập Thơ Thơ của Xuân Diệu, đã có nhận xét khá tinh tế: “Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian” . Đã hơn hai mươi năm Xuân Diệu giã từ chúng ta vào cõi hư vô, nhưng “tấm lòng trần gian” của ông dường như vẫn còn ở lại. Cứ mỗi lần xuân tới, những trái tim non trẻ của các thế hệ học sinh lại rung lên những cảm xúc mãnh liệt trước tâm tình của Xuân Diệu gửi gắm với đời trong bài thơ Vội vàng, gắn với niềm khát khao giao cảm với đất trời, con người tràn mê đắm của thi nhân, trong mùa xuân diệu kì! Làm thơ xuân vốn là một truyền thống của thi ca Việt Nam, bao nét xuân đi vào thi ca đều mang một dấu ấn cảm xúc riêng. Đặc biệt, trong thơ lãng mạn Việt Nam 1932 – 1945, mùa xuân còn gắn với cái tôi cá nhân cá thể giàu cảm xúc của các nhà thơ mới. Có thể kể đến một Hàn Mặc Tử với “khách xa gặp lúc mùa xuân chín…”, một Nguyễn Bính với “mùa xuân là cả một mùa xanh…”. Nhưng có lẽ Xuân Diệu chính là người đã đem vào trong cảm xúc mùa xuân tất cả cái rạo rực đắm say của tình yêu. Vội vàng là lời tâm tình với mùa xuân của trái tim thơ tuổi hai mươi căng nhựa sống.

Cái động thái bộc lộ đầy đủ nhất thần thái của Xuân Diệu có lẽ là vội vàng. Ngay từ hồi viết Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh đã thấy “Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuốn quýt”. Cho nên, đặt cho bài thơ rất đặc trưng của mình cái tên Vội vàng, hẳn đó phải là một cách tự bạch, tự họa của Xuân Diệu. Nó cho thấy thi sĩ rất hiểu mình. Thực ra, cái điệu sống vội vàng, cuống quýt của Xuân Diệu bắt nguồn sâu xa từ ý thức về thời gian, về sự ngắn ngủi của kiếp người, về cái chết như là một kết cục không tránh khỏi mai hậu. Sống là cả một hạnh phúc lớn lao diệu kỳ. Mà sống là phải tận hiến và tận hưởng! Đời người là ngắn ngủi, cần tranh thủ sống. Sống hết mình, sống đã đầy. Thế nên phải chớp lấy từng khoảnh khắc, phải chạy đua với thời gian. Ý thức ấy luôn giục giã, gấp gáp. Bài thơ này được viết ra từ cảm niệm triết học ấy. Thông thường, yếu tố chính luận đi cùng thơ rất khó nhuần nhuyễn. Nhất là lối thơ nghiêng về cảm xúc rất “ngại” đi cùng chính luận. Ấy thế nhưng nhu cầu phô bày tư tưởng, nhu cầu lập thuyết lại không thể không dùng đến chính luận. Thơ Xuân Diệu hiển nhiên là loại thơ xúc cảm. Nhưng đọc kỹ sẽ thấy rằng thơ Xuân Diệu cũng rất giàu chính luận. Nếu như cảm xúc làm nên cái nội dung hình ảnh, hình tượng sống động như mây trôi, nước chảy trên bề mặt của văn bản thơ, thì dường như yếu tố chính luận lại ẩn mình, lặn xuống bề sâu, làm nên cái tứ của thi phẩm. Cho nên mạch thơ luôn có được vẻ tự nhiên, nhuần nhị. Vội vàng cũng thế. Nó là một dòng cảm xúc dào dạt, bồng bột cuốn theo bao hình ảnh thi ca như gấm như thêu của cảnh sắc trần gian.

Nhưng nó cũng là một bản tuyên ngôn bằng thơ, trình bày cả một quan niệm nhân sinh về lẽ sống vội vàng. Có lẽ không phải thơ đang minh họa cho triết học. Mà đó chính là minh triết của một hồn thơ. Mục đích lập thuyết, dạng thức tuyên ngôn đã quyết định đến bố cục của Vội vàng. Thi phẩm khá dài nhưng tự nó hình thành hai phần khá rõ rệt. Cái cột mốc ranh giới giữa hai phần đặt vào ba chữ “Ta muốn ôm”. Phần trên nghiêng về luận giải cái lí do vì sao cần sống vội vàng. Phần dưới là bộc lộ cái hành động vội vàng ấy. Nói một cách vui vẻ: trên là lý thuyết, dưới là thực hành!

Điều rất dễ thấy là thi sĩ chọn cách xưng hô cho từng phần. Ở trên, xưng “tôi”, lập thuyết đối thoại với đồng loại. Ở dưới, xưng “ta”, đối diện với sự sống. Phần luận lí có xu hướng cắt xẻ bài thơ. Nhưng hơi thơ bồng bột, giọng thơ dào dạt, sôi nổi đã xóa mọi cách ngăn, khiến thi phẩm vẫn luôn là một chỉnh thể sống động, tươi tắn và truyền cảm. Mở đầu bài thơ là một khổ ngũ ngôn thể hiện một ước muốn kì lạ của thi sĩ. Ấy là cái ước muốn quay ngược quy luật tự nhiên – một ước muốn không thể:

Tôi *muốn tắt nắng đi*

*Cho màu đừng nhạt mất;*

*Tôi muốn buộc gió lại*

*Cho hương đừng bay đi*

Muốn “tắt nắng”, muốn “buộc gió”, thật là những ham muốn kỳ dị, chỉ có ở thi sĩ. Nhưng làm sao cưỡng được quy luật, làm sao có thể vĩnh viễn hóa được những thứ vốn ngắn ngủi mong manh ấy? Cái ham muốn lạ lùng kia đã hé mở cho chúng ta một lòng yêu bồng bột vô bờ đối với cái thế giới thắm sắc đượm hương này. Thế giới này được Xuân Diệu cảm nhận theo một cách riêng. Nó bày ra như một thiên đường trên mặt đất, như một bữa tiệc lớn của trần gian. Được cảm nhận bằng cả sự tinh vi nhất của một hồn yêu đầy ham muốn, nên sự sống cũng hiện ra như một thế giới đầy xuân tình. Cái thiên đường sắc hương đó hiện ra trong Vội vàng vừa như một mảnh vườn tình ái, vạn vật đương lúc lên hương, vừa như một mâm tiệc với một thực đơn quyến rũ, lại vừa như một người tình đầy đắm say. Xuân Diệu cũng hưởng thụ theo một cách riêng. Ấy là hưởng thụ thiên nhiên như hưởng thụ ái tình. Yêu thiên nhiên mà thực chất là tình tự với thiên nhiên. Hãy xem cách diễn tả vồ vập về thiên nhiên ở thì xuân sắc, một thiên nhiên rạo rực xuân tình:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật*

*Này đây hoa của đồng nội xanh rì,*

*Này đây lá của cành tơ phơ phất Của yến anh này đây khúc tình si*

*Và này đây ánh sáng chớp hàng mi*

*Mỗi sáng sớm thần Vui hằng gõ cửa;*

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;*

Có lẽ trước Xuân Diệu trong thơ Việt Nam chưa có cảm giác “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”. Nó là cảm giác của ái ân tình tự. Cảm giác ấy đã làm cho người ta thấy tháng giêng mơn mởn non tơ đầy một sức sống thanh tân kia mà sao quyến rũ – tháng giêng mang trong nó sức quyến rũ không thể cưỡng được của một người tình rạo rực, đắm say. Hai mảng thơ đầu kế tiếp nhau đã được liên kết bằng cái logic luận lí ngầm của nó. Thi sĩ muốn “tắt nắng”, “buộc gió” chính vì muốn giữ mãi hương sắc cho trần thế này đây. Hương sắc là cái sinh khí của nó, là cái vẻ đẹp, cái nhan sắc của nó. Tất cả chỉ rực rỡ trong độ xuân thì. Mà xuân lại vô cùng ngắn ngủi. Và thế là mảng thơ thứ ba của phần luận giải đã hình thành để nói về cái ngắn ngủi đến tàn nhẫn của xuân thì đối với sự sống và cái xuân thì của con người. Phải, cái thế giới này lộng lẫy nhất, “ngon” nhất là ở độ xuân; còn con người cũng chỉ hưởng thụ được cái “ngon” kia khi còn trẻ thôi. Mà cả hai đều vô cùng ngắn ngủi, thời gian sẽ cướp đi hết thảy. Có lẽ cũng lần đầu tiên, thơ ca Việt Nam có được cái quan niệm
này:

Xuân đươn*g tới, nghĩa là xuân đương qua,*

*Xuân còn no nghĩa là xuân sẽ già.*

Con người thời trung đại hình như yên trí với quan niệm thời gian tuần hoàn với cái chu kỳ bốn mùa, cũng như cái chu kì ba vạn sáu ngàn ngày của kiếp người. Con người hiện đại sống với quan niệm thời gian tuyến tính, thời gian như một dòng chảy mà mỗi một khoảnh khắc qua là mất đi vĩnh viễn. Cho nên Xuân Diệu đã nồng nhiệt phủ định:

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!*

Thước đo thời gian của thi sĩ là tuổi trẻ. Tuổi trẻ một đi không trở lại thì làm chi có sự tuần hoàn! Trong cái mênh mông của đất trời, cái vô tận của thời gian, sự có mặt của con người thật là ngắn ngủi, hữu hạn. Nghĩ về tính hạn chế của kiếp người, Xuân Diệu đã đem đến một nỗi ngậm ngùi thật mới mẻ:

*Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,*

*Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;*

Và đem đến một cảm nhận đầy tính lạ hóa về thời gian và không gian:

*Mùi tháng năm đền rớm vị chia phôi*

*Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt…*

Là người đã tiếp thu ở mức nhuần nhuyễn phép “tương giao” của lối thơ tượng trưng, Xuân Diệu đã phát huy triệt để sự tương giao về cảm giác để cảm nhận và mô tả thế giới. Thời gian được cảm nhận bằng khứu giác: “Mùi tháng năm” – thời gian của Xuân Diệu được làm bằng hương - chẳng thế mà thi sĩ cứ muốn buộc gió lại ư?

Một chữ “rớm” cho thấy khứu giác đã chuyển thành thị giác. Nó nhắc ta nhớ đến hình ảnh giọt lệ. Chữ “vị” liền đó, lại cho thấy cảm giác thơ đã chuyển qua vị giác. Và đây là một vị hoàn toàn phi vật chất: “vị chia phôi”! Thì ra chữ “rớm” và chữ “vị” này đều từ một hình ảnh ẩn hiện là giọt lệ chia phôi đó. Vì sao thời gian lại mang cái hương vị - hình thể của chia phôi? Ấy là những cảm giác chân thực hay chỉ là trò diễn của ngôn ngữ theo kịch bản của phép “tương giao”? Cái tinh tế của Xuân Diệu chính là ở đấy! Thi sĩ cảm thấy thật hiển hiện mỗi khoảnh khắc đang lìa bỏ hiện tại để trở thành quá khứ thật sự là một cuộc ra đi vĩnh viễn.

Trên mỗi thời khắc đều đang diễn ra một cuộc chia tay của thời gian với con người, với không gian và với cả chính thời gian. Cho nên thi sĩ nghe thấy một lời than luôn âm vang khắp núi sông này, một lời than vĩnh viễn: than thầm tiễn biệt. Không gian đang tiễn biệt thời gian! Và thời gian trôi đi sẽ khiến cho cái nhan sắc thiên nhiên diệu kỳ này bước vào độ tàn phai. Một sự tàn phai không thể nào tránh khỏi! Thế đấy, không thể buộc gió, không thể tắt nắng, cũng không thể cầm giữ được thời gian, thì chỉ có cách thực tế nhất là chạy đua với thời gian, là phải tranh thủ sống:

*Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa…*

*Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm*

Đến đây phần luận giải của tuyên ngôn vội vàng đã đủ đầy luận lý! Bài thơ được kết thúc bằng những cảm xúc mãnh liệt,
bằng những tham muốn mỗi lúc một cuồng nhiệt, vồ vập. Đó là cả một cuộc tình tự với thiên nhiên, ái ân cùng sự sống. Chỉ có thể diễn tả như thế, Xuân Diệu mới phô diễn được cái lòng ham sống, khát sống sung mãn của mình:

*Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn*

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu*

*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*

*Và non nước, và cây, và cỏ rạng,*

*Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,*

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi;*

*- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

Nếu chọn một đoạn thơ trong đó cái giọng sôi nổi bồng bột của Xuân Diệu thể hiện đầy đủ nhất, thì đó phải là đoạn thơ này. Ta có thể nghe thấy giọng nói, nghe thấy cả nhịp đập của con tim Xuân Diệu trong đoạn thơ ấy. Nó hiện ra trong những làm sóng ngôn từ đan chéo nhau, giao thoa và song song vỗ vào tâm hồn người đọc. Cái điệp ngữ “ta muốn” được lặp đi lặp lại với mật độ thật dày và cũng thật đích đáng.

Nhất là mỗi lần điệp lại đi liền với một động thái yêu đương mỗi lúc một mạnh mẽ, mãnh liệt, nồng nàn: ôm – riết – say – thâu – cắn. Có thể nói câu thơ “Và non nước, và cây, và cỏ rạng” là không thể có đối với thư pháp trung đại vốn coi trọng những chữ đúc. Thậm chí, đối với thơ xưa, đó sẽ là câu thơ vụng. Tại sao lại thừa thãi liên từ “và” đến thế? Vậy mà, đó lại là sáng tạo của nhà thơ hiện đại Xuân Diệu. Những chữ “và” hiện diện cần cho sự thể hiện nguyên trạng cái giọng nói, cái khẩu khí của thi sĩ. Nó thể hiện đậm nét sắc thái riêng của cái tôi Xuân Diệu. Nghĩa là thể hiện một cách trực tiếp, tươi sống cái cảm xúc tham lam đang trào lên mãnh liệt trong lòng ngực yêu đời của thi sĩ! Câu thơ:

*Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng*

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi*

... cũng tràn đầy những làn sóng ngôn từ như vậy. Từ “cho” điệp lại với mức độ tăng tiến nhấn mạnh các động thái hưởng thụ thỏa thuê: chuếnh choáng – đã đầy – no nê. Sóng cứ càng lúc càng dâng cao, càng vỗ mạnh, đẩy cảm xúc lên tột đỉnh: Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi! Ta thấy Xuân Diệu như một con ong hút nhụy đã no nê đang lảo đảo bay đi. Lại thấy thi sĩ như một tình lang trong cuộc tình chuếnh choáng men say.

Có thể nói Xuân Diệu qua bài thơ này không chỉ "sống" hay "ham sống" mà ông "say sống". Sống mãnh liệt, hối hả kẻo nữa lại tiếc nuối - Đó là một nhân sinh quan lành mạnh. Nó khác với sự nguội lạnh, hờ hững, lạt lẽo. Bài thơ là nhịp đập gấp gáp trước "thanh sắc trần gian" một ngày xuân của một trái tim chưa bao giờ chán sống.

Sống là hạnh phúc. Muốn đạt tới hạnh phúc phải sống vội vàng. Thế là, vội vàng là cách đến với hạnh phúc, là chính hạnh phúc, và hình như cũng là cái giá phải trả cho hạnh phúc vậy! Ta hiểu vì sao khi Xuân Diệu xuất hiện, lập tức thi sĩ đã thuộc về tuổi trẻ!

 **Phân tích bài thơ Vội Vàng - Mẫu 2**

Nếu cần tìm một bài thơ bộc lộ rõ nhất về phong cách của Xuân Diệu thì đó có phải là “Vội vàng”. Thi phẩm này đã nói với chúng ta cái cảm xúc vồ vập với cuộc đời của tuổi trẻ. Thơ Xuân Diệu bao giờ cũng vội vàng, cuống quýt, nó là những cung bậc rạo rực băn khoăn vì thế mà khi vui cũng như khi buồn đều thấy nống nàn, tha thiết. (ý Hoài Thanh)

Người ta thường nói “Vội vàng” là bản tự bạch đầy đủ nhất về phong cách sống của Xuân Diệu. Vì thế mà tác phẩm có màu sắc luận đề, có thể diễn đạt bài văn nghị luận bằng thơ này như sau: Trần gian rất đẹp, tôi muốn giữ lấy nó. Nhưng quy luật của thời gian của tạo hóa không đê cho tuổi trẻ vĩnh hằng. Cho nên muốn sống nhanh hơn trong mỗi giây, mỗi phút của cuộc đời ta cần phải sống vội vàng hơn.

Cảm nhận thời gian và tuổi trẻ trôi đi không lấy lại được chính là một tư duy triết học từ hàng ngàn năm nay, nên vấn đề Xuân Diệu nêu ra trong bài thơ này không lạ. Nhưng cái mới của nó chính là sự diễn đạt bằng thơ ca qua những biến tấu của trái tim đầy cảm xúc vui buồn với cuộc đời, với tình yêu, với tuổi trẻ.

Bốn câu thơ mở đầu nhà thơ xưng “tôi” và tuyên bố muốn tước đoạt cái quyền của Tạo hóa để những gì thuộc về sự sống tươi đẹp phải là vĩnh cửu.

*“Tôi muốn tắt nắng đi*

*Cho màu đừng nhạt mất;*

*Tôi muốn buộc gió lại*

*Cho hương đừng bay đi.”*

Sắc và hương ở đây là sự cảm nhận của thị giác và khứu giác. Sắc và hương là những báu vật của sự sống tươi đẹp này. Sau hai tiếng “tôi muốn” là hai động từ mạnh mang thanh trắc là “tắt” và “buộc”. Cùng với thể thơ ngũ ngôn rất ngắn gọn, lời tuyên bố của Xuân Diệu thật đĩnh đạc, cao giọng và nghiêm trọng.

Đoạn thơ sau là những câu thơ tám chữ, Xuân Diệu như dắt chúng ta đồng hành vào khu vườn thiên đường trần thế của sự sống. Nhà thơ chỉ cho mọi người thấy những báu vật mà tạo tạo hóa ban phát cho trần gian, cho tuổi trẻ hạnh phúc.

Sự cảm nhận đầu tiên là hạnh phúc của ong và bướm:

*“Của ong bướm này đây tuần tháng mật:*

“Tuần tháng mật” là không gian riêng dành cho ong và bướm. Ba tiếng ấy còn gợi cho ta thời gian hạnh phúc trong quan hệ lứa đôi: tuần trăng mật. Ngoài ra nó còn gợi cho một niềm hạnh phúc tươi vui, tràn đầy vì lúc nào ong và bướm cũng hút đầy mật ngọt. Điều này gợi lên sự ngọt ngào trong quan hệ lứa đôi.

Câu thơ tiếp theo lại tạo nên quan hệ sở thuộc mới:

*“Này đây hoa của đồng nội xanh rì”*

Tai sao đồng nội không xanh ngọc, xanh tơ mà lại là “xanh rì” màu xanh của sự già nua, tàn lụi? “Đồng nội xanh rì” đang sở hữu những bông hoa thơm hương tươi sắc. Miêu tả hoa mọc trên đồng nội ấy tức là nhà thơ muốn nói Tạo Hóa đang cho mùa xuân trở lại.

*“Này đây lá của cành tơ phơ phất”*

Câu thơ này là một bản nhạc dịu dàng, lá cành đẫm chất xuân tình bởi vần thơ liền nhau “tơ phơ”, bởi sau vần “ơ” ấy là “phơ phất”. Đây là một không gian rất riêng, rất khác lạ, gợi cho ta quan hệ lứa đôi tuyệt vời hạnh phúc.

*“Của yến anh này đây khúc tình si*

*Và này đây ánh sáng chớp hàng mi”*

Dường như trên “càng tơ phơ phất” ấy yến anh được là trọn vẹn của nhau, được sở hữu trọn vẹn khúc tình si mà tạo hóa ban phát. Đó là tiếng hót mà đôi chim kia không ngờ rằng nó nồng nàn đến thế.

Đoạn thơ lặp lại hai tiếng “này đây”, khi thì ở giữa câu thơ, khi thì ở đầu câu thơ. Nó tạo cảm giác cho ta thấy nơi này hạnh phúc, nơi kia hạnh phúc. “Này đây” còn cho ta một ấn tượng vội vàng, hãy đi nhanh hơn nữa bởi vì khu vườn này còn nhiều điều kì thú và hấp dẫn hơn.

Rất nhiều ý kiến đã cắt nghĩa và hiểu là ánh mặt trời chói lọi của buổi bình minh tháng giêng mùa xuân khiến cho đôi mắt của cô gái phải chớp hàng mi. Thật ra cái độc đáo là Xuân Diệu lại nói điều ngược lại. Bình minh không phải phát ra từ mặt trời mà từ đôi mắt của người thiếu nữ. Đôi mắt ấy khẽ chớp hàng mi và nắng ấm dào dạt đã tuôn đầy khắp khu vườn tình ái. Hiểu như thế này chúng ta mới thấy rõ cái quan niệm thế là con người, cái giá trị nhất trên đời cũng là con người. Vì vậy mà đôi mắt con người, cái giá trị nhất trên đời cũng là con người. Vì vậy mà đôi mắt của người thiếu nữ “chớp hàng mi” đã khiến cho thần Vui đến “gõ cửa” đem hạnh phúc cho muôn loài vào mỗi buổi sáng mai.

*“Mỗi sáng sớm thần Vui hằng gõ cửa”.*

Con người đẹp nhất trong tuổi trẻ và tuổi trẻ lại đẹp nhất trong tình yêu. Vì thế mà nhà thơ đã viết một câu thơ đầy gợi cảm thật khó lí giải hết bằng lời:

*“Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”*

Tháng giêng là một khái niệm thời gian vậy mà ta lại cảm nhận bằng vị giác: nó rất ngon. Người đọc càng bất ngờ hơn khi cái ngon ấy lại là giá trị tinh thần gợi cho ta một tình yêu dẫu đắm đuối. “Cặp môi gần” là một nụ hôn sắp sửa, nó đưa người ta vào một thế giới đắm say hơn. Tháng giêng khởi đầu cho mùa xuân. Mùa xuân khởi đầu cho một năm. Tuổi trẻ khởi đầu cho một đời người, nụ hôn khởi đầu cho một tình yêu đắm say… Những sự khởi đầu bao giờ cũng tinh tế và hạnh phúc.

*“Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa”*

Cảm nhận được hạnh phúc của tuổi trẻ được sống trong khu vườn thiên đàng trần thế, nhà thơ đã reo lên như trẻ con: “Tôi sung sướng”. Nhưng ngay lập tức niềm vui ấy không trọn vẹn bởi nhận thức của lí trí “nhưng vội vàng một nữa”.

Nếu đoạn thơ đầu là tiếng nói bồng bột của con tim thì đoạn thứ hai lại là tiếng nói tỉnh táo của lí trí. Nếu đoạn thơ đầu là say mê, cởi mở thì đoạn thơ thứ hai nó đục tới, đau buồn, trầm lắng.

Ba câu thơ tiếp theo xuất hiện nhiều từ “xuân”. Phía bên này của hai tiếng “nghĩa là” có một mùa xuân tràn đầy sức sống, còn bên kia thì ngược lại.

*“Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua*

*Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già”*

Cuối cùng là mối liên tưởng giữa « xuân » và « tôi », giữa trần gian « xuân » của vũ trụ và cái « tôi » tuổi trẻ trong cuộc đời.

*« Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất »*

Trong quan điểm của Xuân Diệu, thì đời người có ý nghĩa nhất là tuổi trẻ. Nếu như tuổi trẻ mất thì cuộc đời con người như đặt dấu chấm hết. Sau khi có những nhận thức tỉnh táo về thời gian trôi đi không lấy lại bao giờ của kiếp người, nhà thơ đã có những câu thơ trách hờn với tạo hóa.

*“Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,*

*Không cho dài thời trẻ của nhân gian;*

*Nói lam chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại”*

Tiếp theo là những câu thơ độc thoại với nỗi buồn trầm lắng mỗi lúc một bất lực, mỗi lúc mỗi ganh tị với tạo hóa.

*“Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,*

*Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời”*

Các câu thơ sau đây là những âm bản của bức tranh về vườn địa đàng đầy hình ảnh, đầy âm nhạc ở phần đầu:

Khi nói tới:

*“Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi”*

Ta nghĩ đến:

*“Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”.*

Không còn cái vị nồng nàn, ngọt ngào của hạnh phúc mà là vị chia phôi, rướm máu. Đã chia phôi chúng ta lại gặp tiếp hai tiếng “tiễn biệt”.

*“Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt”*

Dường như cả khu vườn náo nức, hạnh phúc kia giờ chỉ còn là ảo ảnh.

Hai câu thơ:

*“Con gió xinh thì thào trong lá biếc,*

*Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?”*

*Như một sự tương phản với câu thơ:*

*“Này đây lá của cành tơ phơ phất”*

Ngọn gió khiến cho lá cành đều luyến ái “tơ phơ phất”, giờ chỉ còn thì thào sỡ sệt, nó phải mang một nỗi hờn rời bỏ lá cành kia. Hai dòng thơ:

*“Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,*

*Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?”*

Gợi cho ta khúc tình si say đắm của yến anh không hề bận lo toan với thời gian đang trôi đi quanh mình.

“C*ủa yến anh này đây khúc tình si”*

Càng cảm nhận sự chia phôi, tiễn biệt, bay đi càng cảm nhận một “độ phai tàn sắp sửa”. Trái tom tuổi trẻ ấy đã rơi vào khủng hoảng, nỗi buồn đau làm lòng người xót xa.

*“Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa…”*

Câu thơ đã đưa ta đến với vô vọng, với bi quan tuyệt đối. Thế nhưng nhà thơ đã tìm ra một giải pháp chống lại quy luật nghiệt ngã của thời gian. Đó là:

*“Mau đi thôi! Mùa xuân chưa ngả chiều hôm”.*

Đây là giải pháp tích cực nhất để sử dụng cái quỹ thời gian hạn định mà tạo hóa không hề thay đổi với thế gian. “Vội vàng” nghĩa là sống chất lượng hơn, chủ động tận hưởng những niềm vui chính đáng mà Tạo Hóa ban tặng. “Vội vàng” nghĩa là tăng tốc độ cho những hồng cầu trong giọt máu của tuổi trẻ luôn chuyển nhanh hơn.

Nếu ở phần đầu nhà thơ tuyên bố “Tôi muốn tắt…”, “Tôi muốn buộc…” thì ở đây nhân danh cái “ta”, nhà thơ đã công khai một ước muốn:

“*Ta muốn ôm…”*

Để biểu hiện động thái vội vàng Xuân Diệu đã sử dụng dày đặc những động từ mỗi lúc một nhanh hơn. Từ chiếm hữu nhà thơ muốn chinh phục những gì mình có trong tay.

*"Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn:*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,*

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,*

*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều*

*Và non nước, và cây, và cỏ rạng,*

*Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,*

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi”.*

Bắt đầu là “ta muốn ôm”, tiếp theo là “ta muốn riết”, rồi đến “say” từ cái chuếnh choáng hởi men của tình yêu mà muốn thu cả tinh hoa của đất trời trong một nụ hôn. Và kết thúc là thưởng thức mùa xuân của trần gian bằng một hành động rất bạo liệt thông qua một tuyên ngôn khoan nhượng.

*“Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!”*

Xuân Diệu khuyên chúng ta hãy sống với trần gian với những gì Tạo Hóa ban tặng. Chúng ta không chỉ ngắm chúng mà phải sống với chúng. Hãy sống vội vàng chứ không nên chuẩn bị sống vội vàng.

**Phân tích bài thơ Vội Vàng - Mẫu 3**

Có lẽ danh xưng “Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới” mà nhà phê bình Hoài Thanh đã đặt cho Xuân Diệu sẽ không ai có thể thay thế. Xuân Diệu quả thực mang đến cho thơ ca thuở ấy, những năm 30 của thế kỉ XX, những điều vô cùng mới mẻ. Từ nguồn sống dạt dào hay quan niệm sống, quan niệm về tình yêu, tuổi trẻ… đến những hình thức nghệ thuật, đều hiện đại và có những cách tân mạnh mẽ, táo bạo. Sự ghi nhận ấy lại không phải chỉ ở một bài thơ mà cả một tập thơ, thậm chí nhiều tập thơ của ông được sáng tác trước Cách mạng tháng Tám, 1945. Trong đó phải kể đến tập thơ đầu tay Thơ Thơ, được in vào năm 1938, với thi phẩm Vội vàng tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật cả đời thơ Xuân Diệu.

Vội vàng ra đời vào năm 1938, lúc mà phong trào thơ mới đang phát triển ở đỉnh cao. Sở dĩ đây được coi là bài thơ xếp vào hàng hay nhất của Xuân Diệu, bởi nó không chỉ mang theo những hơi thở mới mẻ, hiện đại mà còn thể hiện một cái tôi đầy ý nghĩa nhân sinh cao đẹp. “Vội vàng” không phải là một trạng thái là một thái độ sống gấp gáp, nhanh chóng. Bài thơ được viết bằng thể thơ tự do, gồm một câu đề từ Tặng Vũ Đình Liên và bốn khổ thơ với dung lượng khác nhau. Tuy nhiên người đọc nhận ra được mạch cảm xúc chủ đạo chính là một cái tôi yêu đời tha thiết, đắm say, cuồng nhiên nhưng vẫn đầy lo sợ trước sự trôi chảy vô tình, nghiệt ngã của thời gian. Cấu tứ bài thơ vì vậy trở thành một cuộc tranh biện say mê của nhà thơ trước cuộc đời.

*Tôi muốn tắt nắng đi*

*Cho màu đừng nhạt mất.*

*Tôi muốn buộc gió lại*

*Cho hương đừng bay đi.*

Dễ nhận thấy cấu tứ của bài thơ được đặt ở ngay bốn dòng thơ năm chữ mở đầu. Xuân Diệu đã bắt nhịp Vội vàng bằng hai ước muốn: tắt nắng, buộc gió. Ấy là quy luật của tạo hóa, tự nhiên mà con người chúng ta không thể can thiệp hay tước đoạt được. Vậy mà điệp ngữ Tôi muốn…, tôi muốn… lặp lại đến hai lần, như thể đó là một niềm khao khát mãnh liệt đến nỗi ngông cuồng, phi lí. Nhưng khi biết mục đích của nhân vật trữ tình thì người đọc nhận ra việc tắt nắng, buộc gió ấy là để giữ màu đừng nhạt, giữ hương đừng bay. Đó chẳng phải là muốn ngưng đọng thời gian, muốn mọi thứ ngừng trôi chảy để tôi có thể đắm chìm, mãi mãi sống với hương sắc của cuộc đời hay sao? Hóa ra cái tôi ấy yêu cuộc sống này vô cùng mãnh liệt, nhưng dường như cũng có điều lo sợ nó vụt trôi đi mất. Bởi vậy, cấu tứ bài thơ từ đây được vận động theo hai cảm xúc ấy và cũng chính là lý do để “tuyên ngôn” về lẽ sống vội vàng.

Tôi muốn tắt nắng, buộc gió ư? Chắc chắn cuộc đời này phải tươi đẹp lắm thì thi nhân mới thèm khát ngưng đọng mọi thứ như vậy. Chỉ cần bước sang khổ thứ hai, chúng ta sẽ thấy được sự lí giải về điều đó. Thay đổi sự dồn nén cảm xúc ở bốn dòng thơ đầu, khổ thơ thứ hai trải dài hơn với thể thơ tám chữ, giọng điệu có phần tha thiết, sôi nổi:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật*

*…*

*Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*

Điệp từ của, này đây vừa có nét hiện đại vừa như một lời mời chào, vẫy gọi để chúng ta cùng bước vào thế giới tươi đẹp của thiên nhiên cuộc sống. Bằng thủ pháp liệt kê ông dẫn dắt người đọc vào thế giới bằng những hình ảnh vô cùng giản dị, gần gũi nhưng lại ẩn chứa những nét đẹp mà chúng ta vô tình chẳng nhận ra. Những ong bướm, hoa đồng nội, lá cành tơ, yến anh, ánh sáng, buổi sớm, tháng giêng có gì mà xa lạ, nhưng dưới cặp mắt “xanh non, biếc rờn”, qua lăng kính của tình yêu và cảm nhận bằng mọi giác quan, nhà thơ đã mang tới một khung cảnh tuyệt diệu của thiên nhiên, cuộc sống. Những thứ quen thuộc ấy lại ở trong những trạng thái mơn mởn, tươi non, căng tràn sức sống và tràn ngập xuân tình nhất: ong bướm tuần tháng mật, hoa đồng nội xanh rì, lá cành tơ phơ phất, yến anh khúc tình si, ánh sáng chớp hàng mi, tháng giêng ngon như một cặp môi gần. Một niềm yêu đời tha thiết, mãnh liệt đã khiến nhà thơ phát hiện ra một bữa tiệc ở giữa trần gian, chốn thiên đường ở ngay trên mặt đất. Tính triết lý nhân sinh cũng bởi vậy bộc lộ ngay ở sự khám phá này. Đâu phải đi đâu xa, đâu phải đến những nơi nào có cảnh đẹp, cũng đâu phải chỉ có chốn bồng lai tiên cảnh mới được thưởng thức cái đẹp như thế, chỉ cần căng đôi mắt, căng đôi tai, căng cả trái tim, sống toàn tâm, toàn trí, toàn hồn thì “thiên đường” ở ngay trước mắt. Thời khắc mà mỗi chúng ta cần tận hưởng là mùa xuân của tự nhiên, là tuổi trẻ, tình yêu của cuộc đời, xin đừng bỏ lỡ. Đó chính là lý do vì sao mà ông muốn “tắt nắng, buộc gió”!

Nhưng tôi đâu chỉ yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống mà còn yêu con người. Và tình yêu với con người ấy đã giúp nhà thơ đưa ra một quan điểm thẩm mĩ rất độc đáo. Vốn dĩ xưa thiên nhiên mới là chuẩn mực của cái đẹp, nhưng nay Xuân Diệu lại lấy con người mới là thước đo của mọi cái đẹp. Bằng việc so sánh: Ánh sáng chớp hàng mi/ tháng giêng ngon như một cặp môi gần, người đọc nhận ra sự khác lạ ấy. Ánh sáng, một thứ thuộc về tự nhiên, giờ đây được ví như cái chớp mắt của một nàng thiếu nữ; tháng giêng cũng được mĩ vị hóa “ngon” như một cặp môi gần của đôi tình nhân. Xuân Diệu thực sự đã tạo nên một quan niệm về cái đẹp nhưng đầy tính nhân văn, có ý nghĩa nhân sinh cao đẹp. Phải chăng với thi nhân, con người mới là điều tuyệt diệu, là sản phẩm tuyệt vời nhất của tạo hóa?

Thiên nhiên đẹp, cuộc sống đẹp, con người đẹp… vậy mà đời người chẳng thể mãi mà gắn bó được. Nên:

*Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa,*

*Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*

Đúng, cuộc đời như thế sao mà không sung sướng cho được. Nhưng không thể “tắt nắng, buộc gió” mà mãi đắm chìm trong ấy, nên mới phải vội vàng. Câu thơ với dấu chấm giữa dòng làm ngắt mạnh cảm xúc, muốn níu giữ tất cả chỉ còn cách sống vội vàng từng giây từng phút. Nhân vật trữ tình chẳng chờ tới mùa hạ, mà ngay ở mùa xuân thôi cũng đã thấy nhớ mùa xuân rồi. Đọng lại cả khổ thơ vẫn là niềm yêu thương cuộc sống rất sục sôi, rạo rực. Đâu đó chúng ta nhận ra ánh mắt sung sướng nhưng đầy gấp gáp của thi nhân để chạy đua với thời gian. Bởi không nhanh sẽ không kịp và không thể để tận hưởng cuộc sống này.

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua*

*…*

*Chẳng bao giờ! Ôi chẳng bao giờ nữa.*

Khổ thơ mở ra một cuộc tranh biện vô cùng độc đáo, thời gian có thực sự đang trôi chảy, có thực sự nghiệt ngã mà cuốn phăng mọi thứ ra đi? Bằng nghệ thuật đối lập (xuân non - xuân già, tới - qua, rộng - chật, tuần hoàn - chẳng hai lần…) và hàng loạt các từ ngữ có tính tranh luận cao như: nghĩa là, nhưng, nói làm chi, nếu, nên, nhà thơ đã chỉ ra quy luật tuyến tính của thời gian: một đi không trở lại. Ông say sưa trong giọng điệu trầm buồn, có phần run rẩy. Làm gì có kiểu thời gian như “bóng bích câu qua cửa sổ”, cũng làm gì có kiểu chết đi rồi sẽ lại được tái sinh, mà thời gian nghiệt ngã, vô tình lắm. Mỗi phút giây trôi đi sẽ là mất mát. Có thể thời gian của tự nhiên là vô hạn, nhưng đời người lại hữu hạn, mà tuổi trẻ lại càng ngắn ngủi, ít ỏi vô cùng. Quan niệm về thời gian như thế của Xuân Diệu không hề cảm tính, cũng không theo lối thi vị hóa mà đầy khách quan và biện chứng. Chỉ có thể là một tâm hồn quá nhạy cảm, quá yêu đời mới lo lắng, sợ sệt như thế trước quy luật của thời gian. Bởi vậy cho nên ông nhìn đâu cũng thấy chia lìa, tan nát. Những hình ảnh thiên nhiên, sự sống được nhân hóa: mùi tháng năm rớm vị chia phôi, núi sông than thầm tiễn biệt, con gió xinh thì thào, hờn dỗi phải bay đi, chim ngập ngừng đứt tiếng reo thi trước độ phai tàn sắp sửa là những dự cảm đầy mất mát, có phần bi thương trước sự trôi chảy của thời gian. Đâu đâu cũng ngấm mùi, ngấm vị của sự tan tác, đứt gãy, xa rời. Bởi vậy sao mà không cảm thấy tiếc nuối, thấy hụt hẫng, bâng khuâng cho được. Lời thơ vang lên như một niềm bi phẫn, bế tắc: chẳng bao giờ! Ôi chẳng bao giờ nữa! Xuân Diệu hiện thực thế, đời thường thế… nhưng cũng không tránh khỏi được sự sợ hãi, bàng hoàng trước thời gian. Vậy nếu không “tắt nắng”, không “buộc gió” thì phải làm sao để màu không nhạt, hương không bay? Chỉ còn cách vội vàng để chống lại quy luật khắc nghiệt ấy của thời gian mà thôi.

Vội vàng thực sự là một bài thơ của nhiều cảm xúc. Có chút dồn nén ở khổ đầu, có cái tha thiết, say mê ở khổ hai, có cái day dứt, bâng khuâng ở khổ ba và ở khổ bốn sẽ là sự sục sôi, khí thế, nhiệt huyết. Sự linh hoạt trong cách bộc lộ cảm xúc của bài thơ đều bắt nguồn từ triết lý sống vội vàng. Không thể níu giữ thời gian, cũng không thể đứng im mà nhìn thời gian tàn phá mọi thứ, chỉ còn cách vội vàng. Cho nên khổ cuối mở ra một lời giục giã đầy hối hả:

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm.

…

- Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi.

Đi tức là sống, mà phải mau đi tức là sống nhanh lên, gấp gáp lên khi mùa chưa ngả chiều hôm, khi mọi thứ còn ở độ tươi đẹp nhất, trẻ trung nhất. Xuân Diệu giục người ta như thế. Giờ đây không còn là tôi muốn là khát vọng của cá nhân, mà là ta muốn, tức là của tất cả mọi người. Ta muốn ôm, riết, say, thâu, thậm chí là cắn để chếnh choáng, đã đầy, no nê mọi thứ của cuộc sống này. Hàng loạt các động từ mạnh theo cấp độ tăng tiến đã diễn tả vừa là cách sống vừa là cảm xúc có phần khó kiềm chế được của nhân vật trữ tình. Xuân Diệu mang tới một cách sống vội vàng thật sục sôi, mãnh liệt, vồ vập và hết mình. Nhưng thi nhân cũng không cho rằng chúng ta lúc nào cũng phải căng lên để sống như vậy, mà cần phải biết sống vội vàng vào đúng thời điểm. Đó là lúc sự sống mới bắt đầu mơn mởn, lúc mây đưa và gió lượn, cánh bướm với tình yêu, một cái hôn nhiều, và non nước và cây và cỏ rạng… và đặc biệt là xuân hồng. Nhà thơ chọn những khoảnh khắc ấy chính là lúc mỗi chúng ta đáng sống nhất, sống hết mình, nhiệt huyết nhất để không bỏ lỡ một chút vẻ đẹp nào của cuộc sống. Hình ảnh xuân hồng chính là biểu tượng cho cuộc sống như thế, mà nhà thơ không ngần ngại sử dụng từ ngữ có phần khá thô để biểu đạt là cắn. Nhưng ai cũng hiểu, với Xuân Diệu sự tham lam, cuồng nhiệt đến mê dại với cuộc sống thì ngay cả từ ngữ ấy cũng chưa đủ để diễn tả cảm xúc yêu cuộc sống của ông.

Vội vàng khép lại với một hình ảnh, nhân vật trữ tình đang muốn thỏa mãn với cảm giác yêu đời của mình. Đó cũng là một ấn tượng đặc biệt mà bài thơ để lại trong lòng độc giả. Dẫu trong bài vẫn có một niềm day dứt, lo âu trước sự trôi chảy của thời gian nhưng người ta không thấy bài thơ dừng lại bằng một cảnh tượng bi quan, chán nản. Ngược lại, nỗi gieo vui ở cả khổ cuối cùng cho thấy, Xuân Diệu vẫn vô cùng yêu đời, trân trọng cuộc sống và lạc quan với những phút giây của thực tại. Bởi vậy, Vội vàng ra đời ở vào thời điểm ấy, nỗi băn khoăn về cuộc sống trong thơ ca vẫn nhiều, nhưng ý nghĩa của bài thơ về quan niệm sống, quan niệm cuộc đời, tuổi trẻ, tình yêu và cả sự nhiệt huyết, hết mình với cuộc sống vẫn còn nguyên vẹn giá trị mãi mãi sau này.

**Phân tích bài thơ Vội Vàng - Mẫu 4**

*"... Mỗi buổi sớm thần Vui hằng gõ cửa*

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần...".*

*(...) Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn...".*

Mỗi lần đọc những dòng thơ trên, nhạc điệu, vần điệu "Vội vàng" cứ ngân vang dào dạt mãi trong lòng ta, tình yêu đời, yêu sống như tát mãi không bao giờ vơi cạn... Cảm thức về thời gian, về mùa xuân, về tuổi trẻ... như những lớp sóng vỗ vào tâm hồn ta. "Vội vàng" là bài thơ độc đáo nhất, "mới nhất" của thi sĩ Xuân Diệu in trong tập "Thơ thơ" (1933-1938) - đoá hoa đầu mùa đầy hương sắc làm rạng danh một tài thơ thế kỉ.

Bài thơ "Vội vàng" nói lên nhịp điệu sống, khát vọng sống của tuổi trẻ rất đẹp, rất đáng yêu. Một đời người chỉ có một thời xuân xanh. Phải biết trân trọng, quý trọng và sống hết mình với tuổi trẻ, với mùa xuân và với thời gian.

Nói về bài thơ "Vội vàng", Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh viết:

"Đây là tiếng nói của một tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt. Nhưng đằng sau những tình cảm ấy, có một quan niệm nhân sinh mới chưa thấy trong thơ ca truyền thống".

Thiên nhiên rất đẹp đầy hương sắc của hoa trên "đồng nội xanh rì", của lá "cành tơ phơ phất". "Tuần tháng mật" của ong bướm. "Khúc tình si" của yến anh. "Và này đây ánh sáng chớp hàng mi". Chữ "này đây" được năm lần nhắc lại diễn tả sự sống ngồn ngộn phơi bày, thiên nhiên hữu tình, xinh đẹp thật đáng yêu. Vì lẽ đó nên phải vội vàng "tắt nắng đi" và "buộc gió lại". Trong cái phi lí có sự đáng yêu của một tâm hồn lãng mạn.

Tuổi trẻ rất đẹp, rất đáng yêu. Bình minh là khoảnh khắc tươi đẹp nhất của một ngày, đó là lúc "thần Vui hằng gõ cửa". Tháng giêng là tháng khởi đầu của mùa xuân, "ngon như cặp môi gần". Một chữ "ngon" chuyền đổi cảm giác thần tình, một cách so sánh vừa mới lạ vừa táo bạo. Chiếc môi ấy chắc là của giai nhân, của trinh nữ. Đây là câu thơ hay nhất, mới nhất cho thấy màu sắc cảm giác và tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt của thi sĩ Xuân Diệu.

Chắc là Xuân Diệu viết bài thơ này trước năm 1938, lúc ông trên dưới 20 tuổi - cái tuổi thanh niên bừng sáng. Nhưng thi sĩ đã "vội vàng một nửa", một cách nói rất thơ - chẳng cần đến tuổi trung niên (nắng hạ) mới luyến tiếc tuổi hoa niên. Dấu chấm giữa dòng thơ, rất mới, thơ cổ không hề có. Như một tuyên ngôn "vội vàng":

*"Tháng giêng ngon như cặp môi gần*

*Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa*

*Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân."*

Vội vàng vì thiên nhiên quá đẹp, vì quá yêu, vì tuổi trẻ quá thơ mộng. Đang tuổi hoa niên mà đã "vội vàng một nửa", cảm thức của thi sĩ về thời gian, về mùa xuân, về tuổi trẻ rất hồn nhiên, mới mẻ.

Quan niệm về thời gian có nhiều cách nói. Thòi gian là vàng ngọc. Bóng ngả lưng ta. Thời gian vun vút thoi đưa, như bóng câu (tuấn mã) vút qua cửa sổ, như nước chảy qua cầu. Thời gian một đi không trở lại. Xuân Diệu cũng có một cách nói rất riêng: tương phản đối lập để chỉ ra cái "lượng trời" cho một đời người chỉ có một thời xuân xanh mà tuổi trẻ một đi qua không bao giờ trở lại:

*"Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,*

*Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,*

*Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.*

*Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,*

*Không cho dài thời trẻ của nhân gian,*

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!".*

Giọng thơ sôi nổi như nước tự mạch nguồn tuôn ra. Một hệ thống tương phản đối lập: tới/ qua; non / già; rộng / chật; hoàn / bất phục hoàn; vô hạn / hữu hạn - để khẳng định một chân lí, triết lí: tuổi xuân một đi không trở lại, phải biết quý trọng tuổi xuân.

Cách nhìn nhận của thi nhân về thời gian cũng rất tinh tế độc đáo, nhạy cảm. Trong hiện tại đã bắt đầu có quá khứ và đã hé lộ mầm tương lai, cái đang có lại đang mất dần đi...

Và mối tương giao mầu nhiệm của cảnh vật, của tạo vật hình như mang theo nỗi buồn "chia phôi", hoặc "tiễn biệt", nên phải "hờn" vì xa cách, phải "sợ" vì "độ phai tàn sắp sửa". Cảm xúc lãng mạn dào dạt trong cái vị đời. Nói cảnh vật thiên nhiên mà là để nói về con người, nói về nhịp sống khẩn trương "vội vàng" của tạo vật. Với Xuân Diệu hầu như cuộc sống nơi "vườn trần" đều ít nhiều mang "bi kịch" về thời gian:

*"Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,*

*Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt".*

Cũng là "gió", là "chim"... nhưng gió khẽ "thì thào" vì "hờn", còn "chim" thì bỗng ngừng hót, ngừng reo vì "sợ"! Câu hỏi tu từ xuất hiện cũng là để làm nổi bật cái nghịch lí giữa mùa xuân - tuổi trẻ và thời gian:

*"Con gió xinh thì thào trong lá biếc,*

*Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?*

*Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,*

*Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?".*

Thi sĩ bỗng thốt lên lời than. Tiếc nuối, lo lắng và chợt tỉnh vì "mùa chưa ngả chiều hôm", nghĩa là vẫn còn trẻ trung, chưa già. Lên đường! Phải vội vàng, phải hối hả. Câu cảm thán với cách ngắt nhịp biến hoá làm nổi bật nỗi lòng vừa lo lắng băn khoăn vừa luống cuống tiếc rẻ, bâng khuâng:

*"Chẳng bao giờ ôi chẳng bao giờ nữa...*

*Mau đi thôi! mùa chưa ngả chiều hôm".*

*Xưa kia, Nguyễn Trãi viết trong chùm "Thơ tiếc cảnh":*

*"Xuân xanh chưa dễ hai phen lại,*

*Thấy cảnh càng thêm tiếc thiếu niên",*

*(Bài số 3)*

*"Tiếc xuân cầm đuốc mảng chơi đêm",*

*(Bài số 7)*

Những vần thơ của Nguyễn Trãi giúp ta cảm nhận sắc điệu trữ tình trong "Vội vàng" về màu thời gian, về sắc thời gian, về tuổi trẻ. Thật yêu đời, thật ham sống.

Mở đầu bài thơ là cái "tôi" hăm hở "tôi muốn tắt nắng đi". Kết thúc bài thơ là "ta", là mọi tuổi trẻ. Một sự hoà nhập và đồng điệu trong một đời người, trong dòng chảy thời gian: sống mãnh liệt, sống hết mình. Sống nồng nàn say mê. Nghệ thuật trùng điệp trong diễn tả gợi lên cái ham hố, yêu đời. Ngôn từ đậm màu sắc cảm giác, xúc giác, rạo rực: "Ta muốn ôm", "Ta muốn riết..., Ta muốn say..., Ta muốn thâu...":

*"Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn ;*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,*

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,*

*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều,*

*Và non nước, và cây, và cỏ rạng".*

Sống cũng là để yêu, yêu hết mình. Thơ hay vì màu sắc lãng mạn. Vì giọng thơ sôi nổi. Nghệ thuật "vắt dòng" với ba từ "và" đồng hiện trong một dòng thơ làm nổi bật cảm xúc: say mê vồ vập cảnh đẹp, tình đẹp nơi vườn trần. Tất cả mùi thơm, ánh sáng, thanh sắc, xuân hồng... đều là đối tượng, là nỗi niềm khao khát của thi nhân:

*"Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,*

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi,*

*Hỡi xuân hồng, tả muốn cắn vào ngươi!".*

Sống vội vàng không có nghĩa là sống gấp, sống ích kỉ trong hưởng thụ. "Vội vàng" thể hiện một tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt. Biết quý trọng thời gian, biết quý trọng tuổi trẻ, biết sống cũng là để yêu; tình yêu lứa đôi, tình yêu tạo vật. Tình cảm ấy đã thể hiện một quan niệm nhân sinh mới mẻ, cấp tiến. Bảy thập kỉ sau bài thơ "Vội vàng" ra đời, nhiều câu thơ của Xuân Diệu vẫn còn làm cho không ít người ngỡ ngàng! Xuân Diệu đã sống "Vội vàng" như vậy. Với hơn 50 tác phẩm, hơn 400 bài thơ tình, ông đã góp phần làm giàu đẹp cho nền thi ca Việt Nam hiện đại.

Bài thơ "Vội vàng" cho thấy một cảm quan nghệ thuật rất đẹp, rất nhân văn, một giọng thơ sôi nổi, dâng trào và lôi cuốn, hấp dẫn. Có chất xúc giác trong thơ. Có cách dùng từ rất bạo, cách cấu trúc câu thơ, đoạn thơ rất tài hoa. "Vội vàng" tiêu biểu nhất cho " Thơ mới", thơ lãng mạn 1932-1941.

Nhà thơ Xuân Diệu đã đi vào thế giới vĩnh hằng những tao nhân mặc khách, nhưng ta vẫn cảm thấy ông đang hiện diện giữa cuộc đời và hát ca:

*- "Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!"*

*-"Mau với chứ! Vội vàng lên với chứ!*

*Em, em ơi! Tình non sắp già rồi:..".*

*Giục giã*

**Phân tích bài thơ Vội vàng - Mẫu 5**

Xuân Diệu là một cái tên quen thuộc được biết đến với những bài thơ về mùa xuân, tuổi trẻ (trước cách mạng tháng Tám) hay những bài thơ về Tổ Quốc, về nhân dân, về Đảng, về Bác Hồ, về hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, về sự nghiệp xây dựng đất nước (sau cách mạng tháng Tám). Nổi bật trong những bài thơ viết về mùa xuân, tuổi trẻ của Xuân Diệu là bài Vội vàng. Bài thơ là lời giục giã sống mãnh liệt, sống hết mình, quý trọng từng giây, từng phút của cuộc đời mình, nhất là những tháng năm của tuổi trẻ.

Xuân Diệu yêu thiên nhiên, yêu cái đẹp đến mãnh liệt đến cường tráng nhưng bên trong những vần thơ của ông vẫn gây cho người đọc một cảm giác chênh vênh, hụt hẫng. Bởi tình yêu luôn gắn với nỗi đau, niềm vui song song với nỗi buồn, bởi niềm vui đó rồi cũng phải hết, không thể tồn tại vĩnh hằng được. “Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian”(Thế Lữ). Bài thơ Vội vàng là tiếng nói con tim của một kẻ đang say mê trong tình yêu với những cung bậc cảm xúc khác nhau.

Bài Vội vàng có hình ảnh cả một thiên đường trên mặt đất: Xuân Diệu phát hiện và khẳng định dứt khoát mùa xuân và mọi cảnh đẹp quanh ta là cả một thế giới thần tiên. Bốn câu đầu: hình ảnh cái tôi lãng mạn bộc lộ rất độc đáo:

*“Tôi muốn tắt nắng đi*

*Cho màu đừng nhạt mất;*

*Tôi muốn buộc gió lại*

*Cho hương đừng bay đi.”*

Muốn “tắt nắng”, muốn “buộc gió”, thật là những ham muốn kỳ dị, chỉ có ở thi sĩ. Nhưng làm sao cưỡng được quy luật, làm sao có thể vĩnh viễn hóa được những thứ vốn ngắn ngủi mong manh ấy? Những khát khao “phi lí” ấy lại tạo nên một cái tôi cực kỳ ấn tượng và lôi cuốn. Tác giả không dùng đại từ “ta” mà lại dùng “tôi” như để khẳng định mình, khẳng định khát khao cháy bỏng “đoạt” lấy thiên nhiên đất trời. Xuân Diệu muốn cưỡng lại quy luật của tự nhiên, những vận động của đất trời. Đó là tiếng nói của cái tôi đầy kiêu hãnh với khát vọng mãnh liệt lạ lùng, cho thấy tầm vóc của con người muốn vươn lên để có thể ngang tầm với tạo hóa. Thiên đường - mùa xuân ấy mang bao nhiêu vẻ đẹp: sức sống của vạn vật đều rộn ràng tươi thắm, nảy nở rất trẻ trung.

Tình yêu cuộc sống này tràn ngập trong huyết mạch của nhà thơ và nhà thơ nhận thấy cuộc sống nơi mình đang sống như một thiên đường:

*“Của ong bướm này đây tuần tháng mật*

*Này đây hoa của đồng nội xanh rì,*

*Này đây lá của cành tơ phơ phất*

*Của yến anh này đây khúc tình si*

*Và này đây ánh sáng chớp hàng mi*

*Mỗi sáng sớm thần Vui hằng gõ cửa;*

*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần.”*

Đó là một bức tranh mùa xuân đầy ánh sáng, mới mẻ, tinh khôi, đầy âm thanh tình tứ. Mùa xuân là mùa của cây cối đâm trồi, nảy lộc, mùa của sự sinh sôi và hạnh phúc tràn đầy. Khu vườn xuân trong bài thơ cũng “vội vàng” dâng toả sắc hương, trao mật ngọt. Ong bướm rộn ràng bởi những đoá hoa xuân khoe sắc thắm nổi bật giữa đồng nội xanh rì. Cành tơ phơ phất đang vươn những chồi búp nõn nà trong bức tranh xuân. Ánh sáng bình minh toả mà hồng đào, bừng hé. Chim yến, chim oanh đang rộn ràng hát những bản tình ca mùa xuân. Điệp ngữ: “Này đây” lặp bốn lần là tiếng reo vui đầy kinh ngạc của tác giả vì liên tiếp phát hiện ra những vẻ đẹp kì lạ của cuộc sống. “Tháng giêng” là khởi đầu của một năm, khởi đầu của mùa xuân - mùa xuân tươi non mơn mởn là biểu tượng vẻ đẹp cuộc sống. Hình ảnh “cặp môi gần” gợi làn môi tươi hồng của thiếu nữ đang hé mở đợi chờ. Khác với các nhà thơ khác thường lấy thiên nhiên là chuẩn cho mọi vẻ đẹp thì Xuân Diệu lại lấy con người giữa mùa xuân, tuổi trẻ, tình yêu làm chuẩn mực. Vì thế nên tháng Giêng như tràn trề nhựa sống, mơn mởn da thịt bởi xuân hồng.

Thế giới này được Xuân Diệu cảm nhận bằng cả sự tinh vi nhất của một hồn yêu đầy ham muốn, nên sự sống cũng hiện ra như một thế giới đầy xuân tình. Sở dĩ Xuân Diệu có những mong muốn và khao khát như thế bởi tác giả là một thi sĩ có hồn thơ nhạy cảm đặc biệt trước bước đi của thời gian. Và Xuân Diệu khẳng định:

*“Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua*

*Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già*

*Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.”*

Khác với những quan niệm cũ cho rằng “xuân vẫn tuần hoàn” thì đối với Xuân Diệu:

*“Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!*

*Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,*

*Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời.”*

Tương ứng với mùa xuân là con người, là tôi. Thời gian là thước đo tuổi trẻ. Thời gian sẽ một đi không trở lại, vì vậy tuổi trẻ cũng như thế. Làm chi có sự tuần hoàn cơ chứ! Trong cái mênh mông của đất trời, cái vô tận của thời gian, sự có mặt của con người thật là ngắn ngủi, hữu hạn.

“Mùi tháng năm đền rớm vị chia phôi

Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt…”

Cái tinh tế của Xuân Diệu thể hiện ở chỗ: cảm nhận được sự phai tàn khi vạn vật còn đang ở độ mơn mởn. Thi sĩ thấy như ngọn gió lướt qua tất cả. Lúc tạo vật đang ở thời tươi cũng là lúc phải đối diện với sự phai tàn sắp sửa. Thời gian như có mùi, có vị chia phôi chất chứa. cả đất trời, sông núi đều cất lên âm thanh của sự chia ly, tiễn biệt. Vạn vật đang than thở, ngậm ngùi, đưa tiễn phần đời của chính nó. Tất cả khiến nhà thơ cảm thấy hụt hẫng, tiếc nuối.

Không thể buộc gió, không thể tắt nắng, cũng không thể cầm giữ được thời gian, thì chỉ có cách thực tế nhất là chạy đua với thời gian, là phải tranh thủ sống:

*“Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa…”*

Nếu như ở hai khổ thơ đầu, Xuân Diệu nói về tình yêu thiết tha với thiên đường nơi trần thế của mình hay ở khổ thơ thứ ba tác giả đưa ra một quan niệm mới mẻ về thời gian: mùa xuân đi là mùa xuân không quay trở lại, lấy con người giữa tuổi trẻ làm chuẩn cho mọi vẻ đẹp thì ở khổ thơ thứ tư lại là lời giục giã sống vội vàng, cuống quýt của tác giả. Mở đầu khổ thơ, Xuân Diệu viết: “Mau đi thôi mùa chưa ngả chiều hôm!”. Đây là lời giục giã sống vội vàng, sống sao cho có ý nghĩa khi còn trẻ bởi thời gian sẽ trôi qua rất nhanh. Và ở đây, Xuân Diệu đã gợi ra một cách sống, một quan niệm sống tích cực hơn: sống hết mình từng giây, sống tận hiến và tận hưởng cuộc sống bằng các giác quan, sống hết mình ở thời tươi đẹp nhất. Ở đoạn thơ cuối, tác giả đã sử dụng một loạt động từ tăng tiến để thể hiện cảm xúc mãnh liệt của mình:

*“Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn*

*Ta muốn riết mây đưa và gió lượn*

*Ta muốn say cánh bướm với tình yêu*

*Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều”*

Nếu như ở phần đầu bài thơ, tác giả xưng “tôi” để bộc bạch, giãi bày tâm trạng thì ở khổ thơ cuối, tác giả lại xưng “ta” để tự mình đối diện với cự sống trên trần gian. Tất cả đều thể hiện sự gấp gáp, cuống quýt, vồ vập. Xuân Diệu muốn ôm giữ lấy những vẻ đẹp non tươi của cuộc sống đang diễn ra: sự sống bắt đầu mơn mởn, mây đưa, gió lượn,…để nó khỏi trôi đi nhưng dù ôm chặt mà vẫn không thể giữ được trọn vẹn. Trái tim yêu của Xuân Diệu như muốn rộng ra chứa hết cả vũ trụ. Tất cả đều thúc đẩy một quan niệm sống hối hả, vồ vập, cuống quýt.

Vội vàng thể hiện một tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt. Biết quý trọng thời gian, biết quý trọng tuổi trẻ, biết sống cũng là để yêu; tình yêu lứa đôi, tình yêu tạo vật. Và bài thơ là nhịp đập gấp gáp trước "thanh sắc trần gian" một ngày xuân của một trái tim chưa bao giờ chán sống.